

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ THANH

**CƠ CHẾ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI Ở CÁC NƯỚC BẮC ÂU
VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM CÓ THỂ ÁP DỤNG Ở NƯỚC TA**

Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
Mã số: 9380101.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

Công trình được hoàn thành tại:
Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Chu Hồng Thanh

***Phản biện 1:***

***Phản biện 2:***

***Phản biện 3:***

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp cơ sở tại
Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội

Vào hồi.....giờ.....ngày..... tháng..... năm 2018

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện Đại học Quốc Gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính thế cấp thiết của đề tài

Ghi nhận và bảo vệ quyền con người (QCN) là mối quan tâm to lớn của cả nhân loại, ở cả phạm vi quốc gia, khu vực, toàn cầu; là sự tự khẳng định tính văn minh, tiến bộ, dân chủ, niềm tự hào, sự bền vững ... và giá trị vì con người của mỗi quốc gia; là trách nhiệm quốc tế ràng buộc khi quốc gia là thành viên, hướng tới khẳng định loài người đã bước vào một kỷ nguyên của sự văn minh, tiến bộ vượt bậc trong hành trình phát triển của mình.

Tại Việt Nam, Hiến pháp 2013 đã chính thức được ghi nhận, bảo vệ QCN một cách độc lập bên cạnh quyền công dân, thể hiện thế chủ động và mối quan tâm đặc biệt của Nhà nước đối với QCN so với trước đây. Sự kiện này đặt ra vấn đề là: những giá trị cao quý, tốt đẹp với mỗi con người, cộng đồng, dân tộc đã được ghi nhận rõ ràng trong văn bản pháp lý cao nhất của quốc gia, thì nó sẽ được thực hiện, bảo đảm, bảo vệ như thế nào? Bằng cơ chế nào? Hiển nhiên rằng cơ chế đó phải phù hợp với điều kiện của Việt Nam và cam kết với quốc tế.

Thực hiện tinh thần của Hiến pháp và cam kết với quốc tế về bảo vệ QCN của Việt Nam, việc tập trung nghiên cứu để xác định rõ ràng về một cơ chế bảo vệ QCN của Việt Nam là cần thiết, cấp bách. Vì vậy nghiên cứu sinh lựa chọn nghiên cứu đề tài: ***Cơ chế bảo vệ quyền con người của các quốc gia Bắc Âu và một số kinh nghiệm***

có thể áp dụng ở nước ta. Qua đó, kế thừa được những thành tựu trong cơ chế bảo vệ QCN ở một số quốc gia Bắc Âu gắn với bối cảnh quốc tế ngày nay, tìm ra được cơ chế tối ưu, hữu hiệu nhất để bảo vệ QCN ở Việt Nam đúng chuẩn mực quốc tế, đúng pháp luật quốc gia, phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa truyền thống và những đặc thù khác của con người Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

2.1. Mục đích: Đề tài tập trung nghiên cứu cơ chế bảo vệ QCN của các quốc gia Bắc Âu; thực trạng cơ chế bảo vệ QCN ở Việt Nam. Đưa ra được bài học kinh nghiệm từ cơ chế bảo vệ QCN của các quốc gia Bắc Âu có thể áp dụng ở Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế, pháp luật Việt Nam, gắn với điều kiện, đặc thù của Việt Nam. Giải đáp một số vấn đề mới đặt ra về mặt khoa học trong nghiên cứu bảo vệ QCN. Làm tiền đề, gợi mở cho những hướng nghiên cứu mới, đáp ứng nhu cầu được tôn trọng, ghi nhận, thực thi và bảo vệ QCN ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ: Để thực hiện mục đích nêu trên, đề tài cần giải quyết nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, làm sáng tỏ được khái niệm cơ chế bảo vệ QCN, các thành tố trong cơ chế bảo vệ QCN, mối quan hệ giữa các thành tố, những yếu tố ảnh hưởng tới cơ chế bảo vệ QCN.

Thứ hai, Nghiên cứu thực trạng bảo vệ QCN ở các nước Bắc

Âu và của Việt Nam. Tổng kết thành tựu và một số hạn chế, thách thức, sự ảnh hưởng của cơ chế bảo vệ QCN của các nước Bắc Âu tới các quốc gia trên thế giới, chỉ ra sự tương đồng nhất định với cơ chế bảo vệ QCN của Việt Nam. Đề xuất một số kinh nghiệm từ các nước Bắc Âu và khả năng áp dụng để hoàn thiện cơ chế bảo vệ QCN ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về cơ chế bảo vệ QCN theo quan điểm của quốc tế và Việt Nam.

- Nghiên cứu cơ chế bảo vệ QCN của các quốc gia Bắc Âu (Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan, Iceland) – nơi mà giá trị QCN được đánh giá, xếp hạng cao nhất thế giới; thực trạng cơ chế bảo vệ QCN của Việt Nam.

- Tìm ra một số kinh nghiệm của các quốc gia Bắc Âu có thể áp dụng hoàn thiện cơ chế bảo vệ QCN Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án nghiên cứu quan điểm, tư tưởng, hệ thống pháp luật và hệ thống cơ quan, tổ chức, cá nhân cùng quy trình, thủ tục bảo vệ QCN cả về mặt lý luận và thực tiễn ở năm nước Bắc Âu (Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan, Iceland) và Việt Nam trong mối liên hệ với quốc tế và các yếu tố kinh tế, chính

trị, văn hóa, truyền thống; trong khoảng thời gian từ thế kỷ XIX đến nay.

4. Tính mới và những đóng góp của đề tài

Đề tài làm sáng tỏ vấn đề lý luận của cơ chế bảo vệ QCN; nghiên cứu tổng quát về cơ chế bảo vệ QCN khu vực Bắc Âu (Scandinavia), xác định những đặc trưng riêng biệt, thành tựu, hạn chế, sự ảnh hưởng của cơ chế bảo vệ QCN khu vực Bắc Âu tới thế giới; liên hệ với quan điểm, tư tưởng, pháp luật, việc thực thi pháp luật bảo vệ QCN của Việt Nam, tìm ra được kinh nghiệm và khả năng áp dụng để hoàn thiện cơ chế bảo vệ QCN ở Việt Nam.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Ý nghĩa khoa học của luận án

Luận án hệ thống hoá quan điểm và quy định pháp luật cũng như hệ thống cơ quan, tổ chức, cá nhân bảo vệ QCN nói chung cũng như của năm quốc gia Bắc Âu và Việt Nam. Chỉ ra những điểm tương đồng, khác biệt và lý giải vấn đề trong mối quan hệ với chính trị, kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế. Luận án bổ sung nhận thức lý luận, khoa học về cơ chế bảo vệ QCN gắn với khu vực Bắc Âu và Việt Nam.

Ý nghĩa thực tiễn của luận án: Thứ nhất, xác định được những đặc trưng về quan điểm, tư tưởng, pháp luật và bộ máy bảo vệ QCN ở các quốc gia bắc Âu, đưa ra một số gợi ý, bài học kinh

nghiệm về xây dựng, vận hành cơ chế bảo vệ QCN của các quốc gia khu vực Bắc Âu có thể áp dụng ở Việt Nam, hướng tới thực tiễn hoạt động bảo vệ QCN ở Việt Nam hiệu quả hơn mà phù hợp với đặc thù điều kiện kinh tế, chính trị, văn hoá, truyền thống của Việt Nam, nâng cao vị thế quốc gia trước quốc tế, cũng như nâng cao lượng giá trị được thụ hưởng quyền của người dân. *Thứ hai*, luận án bổ sung, làm đầy đủ hơn tư liệu nghiên cứu cho người học, người giảng dạy và nhà khoa học về các lĩnh vực QCN, cơ chế bảo vệ QCN nói chung và ở Việt Nam.

6. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cơ sở lý luận

Luận án đã vận dụng cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, về dân chủ và quyền hạn, thẩm quyền của nhà chức trách trước xã hội; quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo vệ QCN của người dân; lý thuyết khoa học về nhà nước pháp quyền và quản trị tốt. Nội dung của luận án cũng được nghiên cứu trên cơ sở hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, áp dụng pháp luật của năm quốc gia Bắc Âu, của quốc tế và của Việt Nam bảo vệ QCN; các thành tựu khoa học pháp lý về bảo vệ QCN thể hiện ở các công trình nghiên cứu, giáo trình, sách chuyên khảo, đề tài nghiên cứu khoa học, bài viết tạp chí.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án nghiên cứu bằng các phương pháp thống kê, mô tả, so sánh và giải thích các vấn đề. Phương pháp luận của phép biện chứng, phân tích, tổng hợp, chứng minh, phương pháp định tính, định lượng, điều tra xã hội học để tìm ra những đặc trưng, điểm tương đồng, khác biệt, mối liên quan trong lý luận, thực tiễn của cơ chế bảo vệ QCN giữa các quốc gia Bắc Âu và Việt Nam, đưa ra những nhận xét, kết luận trên các phương diện: quan điểm, quy định pháp luật; hệ thống cơ quan tổ chức bảo vệ QCN; chỉ ra một số kinh nghiệm từ Bắc Âu và khả năng áp dụng kinh nghiệm đó ở Việt Nam.

7. Giả thuyết nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu của luận án là: một số kinh nghiệm trong cơ chế bảo vệ QCN của các quốc gia Bắc Âu có thể áp dụng ở Việt Nam; cơ chế bảo vệ QCN của Việt Nam sẽ hoàn thiện hơn, đạt thành tựu tốt hơn khi có thể áp dụng một số kinh nghiệm trong cơ chế bảo vệ QCN ở các quốc gia Bắc Âu. Tác giả đặt ra 04 câu hỏi và kèm theo giả thuyết nghiên cứu cụ thể. Cụ thể:

- Câu hỏi nghiên cứu 1: Cơ chế bảo vệ quyền con người được xác định gồm những nội dung nào? - Giả thuyết nghiên cứu 1: Cơ chế bảo vệ QCN là sự hợp thành của thành tố thể chế (quan điểm, tư tưởng, hệ thống pháp luật) & thiết chế (hệ thống các cơ quan, tổ chức, cá nhân và quy trình, thủ tục tham gia bảo vệ QCN).

- Câu hỏi nghiên cứu 2: Những yếu tố nào ảnh hưởng tới cơ chế bảo vệ quyền con người cũng như làm nên sự khác biệt, tương đồng nhất định của cơ chế bảo vệ quyền con người ở các quốc gia? - Giả thuyết nghiên cứu 2: các yếu tố về văn hóa, đạo đức truyền thống lịch sử, nền kinh tế, giáo dục, quan điểm của đảng cầm quyền.

- Câu hỏi nghiên cứu 3: Thực trạng cơ chế bảo vệ quyền con người ở các nước Bắc Âu và ở Việt Nam? - Giả thuyết nghiên cứu 3: Cơ chế bảo vệ QCN ở các nước Bắc Âu với quan điểm dân chủ, minh bạch, hệ thống pháp luật đạt chuẩn mực quốc tế, bộ máy tham gia bảo vệ QCN có hiện diện của NGOs đa dạng, mang lại lượng giá trị lớn bậc nhất thế giới các QCN cho cư dân, có sức ảnh hưởng, thu hút sự quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới, song vẫn còn một số hạn chế, thách thức. Ở Việt Nam, cơ chế bảo vệ QCN trên cơ sở phát huy truyền thống, mang đặc tính dân tộc mà có tiếp thu tinh hoa mới của nhân loại về bảo vệ QCN; đang trong quá trình tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hơn nữa để nâng cao hiệu quả việc bảo vệ, thụ hưởng các quyền của người dân.

- Câu hỏi nghiên cứu 4: Một số kinh nghiệm của cơ chế bảo vệ QCN ở các quốc gia Bắc Âu có thể được áp dụng ở Việt Nam hiện nay? - Giả thuyết nghiên cứu 4: Việt Nam đã nỗ lực nâng cao hiệu quả bảo vệ QCN của người dân. Tuy nhiên chưa hiệu quả, cần thiết có những giải pháp phát huy sức mạnh tiềm năng hoặc khơi dậy sức mới trong cơ chế bảo vệ QCN. Việt Nam có thể tìm thấy một số kinh

nghiệm của các quốc gia Bắc Âu mà phù hợp với đặc thù của Việt Nam để nâng cao hiệu quả bảo vệ QCN của mình.

8. Bố cục của Luận án

Luận án bao gồm phần Mở đầu, 4 chương và kết luận:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến cơ chế bảo vệ quyền con người của các nước Bắc Âu và một số kinh nghiệm cơ thể áp dụng ở nước ta.

Chương 2: Những vấn đề lý luận về cơ chế bảo vệ quyền con người có liên quan đến đề tài.

Chương 3: Thực trạng cơ chế bảo vệ quyền con người ở các nước Bắc Âu.

Chương 4: Những kinh nghiệm của các nước Bắc Âu có thể áp dụng để hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền con người ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN CƠ CHẾ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA CÁC NƯỚC BẮC ÂU VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM CÓ THỂ ÁP DỤNG Ở NƯỚC TA

Chương 1 khảo cứu các công trình trong và ngoài nước theo nhóm vấn đề, gồm 04 nội dung lớn:

1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến cơ chế bảo vệ quyền con người

Ở cả phạm vi quốc tế và Việt Nam, các công trình chủ yếu gắn cả các vấn đề bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy QCN; Quan điểm về cơ chế bảo vệ QCN chưa có sự thống nhất, chủ yếu quan điểm về cơ chế bảo vệ QCN gồm hệ thống cơ quan, tổ chức với các trình tự, thủ tục bảo vệ QCN; ở Việt Nam có quan điểm về cơ chế bảo vệ QCN với phạm vi rộng hơn, gồm cả các quy định pháp luật, các cơ quan, tổ chức và trình tự, thủ tục của các cơ quan này về bảo vệ QCN

1.2. Những công trình nghiên cứu về quan điểm, tư tưởng và hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền con người

Luận án đã tập trung tới các công trình nghiên cứu liên quan tới bối cảnh lịch sử chính trị, quan điểm, đường lối xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, đặc trưng văn hóa pháp lý, hiến pháp, báo cáo tổng kết hoạt động bảo vệ QCN ở các nước Bắc Âu. Khảo cứu các công trình nghiên cứu của các học giả trong nước, thấy rằng nghiên

cứu về tư tưởng, quan điểm bảo vệ QCN ở Việt Nam mới chỉ bắt đầu từ khoảng năm 1990 và nhiều nhất là từ khoảng năm 2010 lại đây. Các nghiên cứu đặt ra dưới những góc độ, mức độ khác nhau song luôn phản ánh quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chính sách, pháp luật của Việt Nam về bảo vệ QCN.

1.3. Các công trình nghiên cứu về thiết chế bảo vệ quyền con người

Luận án đã tập hợp phân tích các công trình nghiên cứu ở ngoài nước về NHRI, hoạt động của Ombudman, hoạt động giám sát bảo vệ QCN của Quốc hội, nghị sĩ ở Bắc Âu, hoạt động của các nhà bảo vệ nhân quyền và Văn phòng Cao ủy LHQ liên quan tới bảo vệ QCN ở Bắc Âu

Ở trong nước, tác giả cũng đã tập hợp, phân tích các công trình chuyên biệt nghiên cứu về NHRI ở nhiều góc độ khác nhau, công trình nghiên cứu về tòa án với việc bảo vệ QCN...nhưng hầu như chỉ là các công trình ở quy mô nhỏ, chưa sách tham khảo, chuyên khảo.

1.4. Nhận xét về các công trình khoa học liên quan đến đề tài và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Những vấn đề đã có sự thống nhất về cơ chế bảo vệ QCN:

- Bảo vệ QCN là mục tiêu của nhà nước và cả dân tộc Việt Nam, gắn với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Khái niệm cơ chế bảo vệ QCN tựu chung lại gồm nhiều yếu tố có quan hệ ràng buộc là: quan điểm, tư tưởng; hệ thống pháp luật; các thiết chế. Khẳng định sự cần thiết phải hoàn thiện cơ chế bảo vệ QCN Việt Nam.

- Quan điểm về bảo vệ quyền được thực hiện trên hai phương diện là phòng chống, ngăn ngừa và xử lý vi phạm QCN.

- Cơ quan nhân quyền quốc gia là thiết chế chuyên môn, công cụ căn bản, trực diện bảo vệ QCN, là minh chứng rõ ràng nhất khẳng định thái độ và trách nhiệm bảo vệ QCN của mỗi quốc gia.

- Cơ chế bảo vệ QCN đều chịu sự tác động của nhiều yếu tố: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội truyền thống và hội nhập quốc tế.

- Đa số các kiến nghị Việt Nam nên thành lập Ủy ban QCN trực thuộc Quốc hội là NHRI Việt Nam. Những đề xuất này có vai trò làm cơ sở, tiền đề, luận cứ khoa học cho tác giả trong quá trình nghiên cứu về cơ chế bảo vệ QCN.

Những vấn đề chưa được nghiên cứu, giải quyết thấu đáo:

- Nghiên cứu về lý luận của cơ chế bảo vệ QCN còn chưa nhiều, chưa đi sâu làm sáng tỏ được sự khác nhau của các thuật ngữ *bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy* QCN;

- Nội hàm của thuật ngữ cơ chế bảo vệ QCN còn có nhiều quan điểm khác nhau, có quan điểm bao quát vấn đề ở phạm vi rộng, lại có quan điểm dừng lại ở phạm vi hẹp hơn, đòi hỏi nghiên cứu sinh cần tiếp tục nghiên cứu, luận giải, làm rõ.

Đã có những công trình nghiên cứu về cơ chế bảo vệ QCN ở các châu lục, khu vực, quốc gia khác nhau trên thế giới, trong đó có châu Âu, gồm các nước Bắc Âu, song cơ bản chưa có tập trung nghiên cứu về cơ chế bảo vệ QCN của Bắc Âu, chỉ ra sự khác biệt của cơ chế bảo vệ QCN của các quốc gia Bắc Âu với châu Âu. Đây là vấn đề luận án cần làm sáng.

Những vấn đề đặt ra cần nghiên cứu

- Làm rõ khái niệm cơ chế bảo vệ QCN, xác định các thành tố, nội dung của các thành tố trong cơ chế bảo vệ QCN.

- Chỉ ra điểm giống, khác nhau, mối quan hệ của cơ chế bảo vệ và cơ chế bảo đảm và thúc đẩy QCN của các học giả hiện nay.

- Xác định cơ chế bảo vệ QCN của các nước Bắc Âu trong mối quan hệ với EU và quốc tế. Nhưng ưu điểm và hạn chế trong cơ chế bảo vệ QCN của các quốc gia Bắc Âu.

- Từ thực tiễn cơ chế bảo vệ QCN của các nước Bắc Âu chiếu tới thực tiễn ở Việt Nam và đưa ra một kinh nghiệm và khả năng áp dụng ở Việt Nam.

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CƠ CHẾ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

2.1. Khái niệm bảo vệ quyền con người và cơ chế bảo vệ quyền con người

Trên cơ sở khảo cứu các quan điểm của Việt Nam, quốc tế, ở một số chuyên ngành khoa học xã hội, tự nhiên khác nhau về các thuật ngữ “bảo vệ”, “cơ chế”, phân biệt với các thuật ngữ gần giống (bảo đảm, thúc đẩy), giải thích nội hàm, so sánh ... có tiếp thu và phê phán mà luận án đã đưa ra hai khái niệm:

(1) bảo vệ QCN: là hoạt động chủ yếu tập trung vào mục đích ngăn ngừa và xử lý vi phạm QCN của hệ thống cơ quan tổ chức với các quy trình thủ tục của nó; đồng thời hoạt động bảo vệ QCN còn mở rộng tới việc có tư tưởng, quan điểm về tôn trọng, bảo vệ, ghi nhận bằng pháp luật các QCN; bảo vệ quyền con người có tác động và quan hệ gần gũi, mật thiết với bảo đảm và thúc đẩy QCN;

(2) Cơ chế bảo vệ QCN: là sự hợp thành của nhiều bộ phận trong mối quan hệ tác động qua lại với nhau nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý vi phạm QCN. Chia thành hai nhóm: thể chế và thiết chế, thể chế gồm các quan điểm, tư tưởng, hệ thống quy phạm pháp luật; và thiết chế gồm hệ thống các cơ quan, tổ chức, cá nhân cùng quy trình, thủ tục bảo vệ QCN.

Tiếp theo luận án nghiên cứu mối quan hệ qua lại, xâm nhập lẫn nhau ở trạng thái vận động giữa hai thành tố thể chế và thiết chế, khẳng định vai trò khởi đầu quá trình bảo vệ QCN của thể chế, việc có quan điểm, tư tưởng, rồi ghi nhận bảo vệ QCN bằng pháp luật xem như điều kiện cần, còn điều kiện đủ chính là các biện pháp, hoạt động giám sát trực tiếp để bảo đảm, bảo vệ QCN. Song sự phân chia này cũng chỉ mang tính tương đối.

2.2. Những yếu tố tác động đến cơ chế bảo vệ quyền con người

Bởi sự hiện diện đa dạng các thành tố trong cơ chế bảo vệ QCN mà có rất nhiều những yếu tố tác động tới cơ chế bảo vệ QCN, như: kinh tế, chính trị, văn hóa, truyền thống.... Sự tác động này có thể theo chiều hướng tích cực, giúp cho việc bảo vệ QCN hiệu quả hơn, nhưng cũng có thể là tác động cản trở, đi ngược lại mục tiêu bảo vệ QCN; Đồng thời các yếu tố tác động tới cơ chế bảo vệ QCN đã làm nên sự khác biệt về giá trị quyền, cách thức thụ hưởng và bảo vệ QCN ở mỗi khu vực, vùng miền, quốc gia, cộng đồng.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG CƠ CHẾ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI Ở CÁC NƯỚC BẮC ÂU

3.1. Khái quát những đặc trưng cơ bản của các quốc gia Bắc Âu gắn với việc bảo vệ quyền con người

Luận án đã khái lược về lịch sử, địa lý, văn hóa truyền thống, chính trị và sự phát triển của mỗi quốc gia Bắc Âu, mối quan hệ gần gũi hình thành gia đình Bắc Âu (Scandinavia), thành tựu phát triển kinh tế - xã hội bậc nhất thế giới gắn với mục tiêu tôn trọng và bảo vệ QCN ngày nay của các quốc gia Bắc Âu.

Các nước Bắc Âu hợp tác với nhau thông qua Hội đồng Bắc Âu – không phải là tổ chức nhân quyền riêng biệt. Các nước cũng tiến hành hợp tác với Cộng đồng EU và các tổ chức khác trong khu vực EU về nhân quyền, nhưng tinh thần pháp luật, văn hóa pháp lý khác biệt nhấn mạnh đến các giá trị cơ bản về công bằng xã hội, đạo đức xã hội đặc thù khu vực Scandinavia không thể pha trộn. Vậy nên luận án tập trung nghiên cứu riêng biệt về cơ chế bảo vệ QCN ở các quốc gia Bắc Âu.

3.2. Cơ chế bảo vệ quyền con người của các nước Bắc Âu

Trong mục này, luận án tập trung nghiên cứu hai vấn đề là thể chế và thiết chế bảo vệ QCN của các nước Bắc Âu trên cơ sở những nghiên cứu, kết luận khoa học của các học giả, hiến pháp, pháp luật, hoạt động thực tiễn qua các báo cáo nhân quyền của các quốc gia,

nhìn nhận, đánh giá của quốc tế về nhân quyền của các quốc gia và đưa ra nhận định như sau:

Cơ chế bảo vệ QCN ở các nước Bắc Âu đã được xây dựng, vận hành trên cơ sở giá trị lịch sử, truyền thống, tôn trọng quy luật khách quan về xây dựng, phát triển kinh tế thị trường tự do, tích lũy của cải cho xã hội, cùng với hệ thống pháp luật tôn trọng căn bản các QCN theo chuẩn mực quốc tế, nguyên tắc phân quyền nghị viện trong tổ chức bộ máy nhà nước, dân chủ liên ứng, tránh xung đột, hệ thống chính trị đa đảng ổn định; hệ thống tư pháp thận trọng, tự kiểm chế, không mang văn hóa quyền lợi mạnh mẽ, tôn trọng ý chí của nhà lập pháp, không có tòa án hiến pháp riêng biệt; mang đặc trưng văn hóa pháp lý Châu Âu lục địa có pha lẫn đặc điểm án lệ của hệ thống pháp luật Anh Mỹ;

Hiến pháp Na Uy, Đan Mạch và Iceland trước nhất mang tư tưởng tôn trọng, ghi nhận bảo vệ các quyền dân sự chính trị - có hàm ý coi các quyền dân sự, chính trị là nền tảng cho việc tôn trọng, ghi nhận và bảo vệ QCN bên cạnh các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá. Thụy Điển và Phần Lan mang quan điểm mới hiện đại hơn: tôn trọng đầy đủ các QCN, nhấn mạnh tới các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá mà vẫn cân đối tới các quyền dân sự chính trị, thể hiện mục tiêu số một của quốc gia là tôn trọng và bảo vệ các QCN. Nhưng về tổng thể thì toàn bộ hệ thống pháp luật của các quốc gia Bắc Âu thể hiện quan điểm, tinh thần, thái độ giống nhau về tôn trọng và bảo vệ QCN ở

mức độ cao so với thế giới, tính hiệu quả của nó là thuyết phục trên cơ sở những báo cáo, khảo sát khách, cho dù nó vẫn phản ánh cả tính lịch sử và hiện đại về QCN.

Thiết chế bảo vệ QCN thu hút, sử dụng nhân tài, phát huy tính chủ động, sáng tạo cá nhân, hội tụ sức mạnh của toàn xã hội với sự hiện diện đa dạng của các tổ chức xã hội (NGOs), gắn kết với truyền thông nhằm thực hiện dân chủ, minh bạch thực sự, phản biện xã hội; và trên hết, cơ chế bảo vệ QCN của các quốc gia vùng Scandinavia đã kết hợp với nền văn hoá của tri thức khoa học, phẩm chất đạo đức tốt và uy tín cao của nhà chức trách trước xã hội, sự tin tưởng giữa người dân và nhà chức trách với văn hóa pháp quyền mà không nặng về chế tài hình sự.

Cơ chế bảo vệ QCN của các nước Bắc Âu với nền kinh tế thị trường phát triển, đã đạt thành tích cao nhất thế giới, trở thành nơi đáng sống nhất trên hành tinh với nền văn hoá truyền thống đạo đức lâu đời về sự gắn kết, trung thực, trách nhiệm và minh bạch, tin tưởng pháp quyền, dân chủ, bình đẳng cho tất cả mọi người, bộ máy nhà nước hoạt động đã có đặc tính dịch vụ để người dân dễ tiếp cận, hệ thống an sinh, phúc lợi xã hội hào phóng, mức hỗ trợ cao cho những người yếu thế qua các giá trị giáo dục, chăm sóc sức khoẻ, khoảng cách nhỏ về chênh lệch giàu nghèo, mức lương cao, giáo dục, y tế miễn phí, không có án tử hình, môi trường trong sạch....

Mặc dù vậy, bên cạnh những ưu điểm thì cơ chế bảo vệ QCN

danh tiếng và hiệu quả của người Bắc Âu cũng bộc lộ những hạn chế và thách thức nhất định về sự ỉ lại, về sức ỉ nhất định của xã hội, những xung đột giữa người bản địa và người nhập cư; những tranh cãi trong cách thức thực hiện pháp luật, bảo vệ QCN nói chung để lại những khoảng trống nhất định tiềm ẩn những nguy cơ về sự bất đồng trong nội bộ cơ chế bảo vệ QCN của các quốc gia này. Song Cơ chế bảo vệ QCN ở các quốc gia Bắc Âu ngày nay vẫn được xem là cơ chế hiệu quả nhất thế giới. Từ quan điểm đến hệ thống pháp luật và thực tiễn bảo vệ QCN cơ bản đều có sức ảnh hưởng điển hình tới các quốc gia khác trên thế giới.

CHƯƠNG 4

NHỮNG KINH NGHIỆM CỦA CÁC NƯỚC BẮC ÂU CÓ THỂ ÁP DỤNG ĐỂ HOÀN THIỆN CƠ CHẾ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

4.1. Thực trạng cơ chế bảo vệ quyền con người ở Việt Nam

Việt Nam là quốc gia luôn khát vọng về cuộc sống hoà bình, tự do, ấm no, hạnh phúc, coi trọng các giá trị nhân đạo, nhà nước coi trọng triết lý *lấy dân làm gốc*, coi trọng người dân trở thành nền tảng cho sự sống còn, tồn vong của quốc gia... – Đây cũng chính là nền tảng căn bản cho tư tưởng, quan điểm bảo vệ QCN của nhà nước và nhân dân Việt Nam. Mặc dù vậy, Phải đến thập niên 90 của thế kỷ XX Việt Nam mới chính thức có những nghiên cứu và thể hiện quan điểm công nhận QCN, thuật ngữ QCN từng bước được ghi nhận

trong hiến pháp, bắt đầu là hiến pháp năm 1992 ghi nhận bảo vệ QCN thể hiện ở quyền công dân. Hiến pháp 2013 ra đời mới chính thức ghi nhận bảo vệ QCN theo chuẩn mực quốc tế. Theo đó đến nay, Việt Nam căn bản đã xây dựng hệ thống pháp luật tiến bộ về tôn trọng, bảo vệ QCN về dân sự, chính trị; kinh tế, xã hội và văn hóa và các QCN khác ở mọi lĩnh vực xã hội, theo định hướng của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đồng hành với thể chế bảo vệ QCN ngày càng phát triển và hoàn thiện hơn, các thiết chế bảo vệ quyền cũng vận động theo đó. Khi xã hội càng phát triển, những đòi hỏi về dân chủ thực sự ngày càng cao thì bên cạnh các thiết chế mang quyền lực nhà nước là các thiết chế xã hội cũng ngày càng phát triển, cùng tham gia, gánh vác trọng trách phát triển và bảo vệ QCN

Tuy vậy, xét trên phương diện hiệu quả và tính phù hợp, thì cơ chế bảo vệ QCN Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, cần những sửa đổi, bổ sung mới như: Nhận thức của chúng ta về QCN còn non trẻ, một số vấn đề chúng ta vẫn chưa tiến kịp với tiêu chuẩn của quốc tế, ví dụ như phương thức quản lý, vận hành các quyền kinh tế và sử dụng các giá trị phúc lợi xã hội của Nhà nước chưa thật sự đi vào hiện thực khách quan của xã hội nên hiệu quả chưa cao..., bên cạnh đó là các vấn đề tham nhũng, môi trường, giới tính, Qua đây chỉ ra nhu cầu cần khắc phục những hạn chế, hoàn thiện cơ chế bảo vệ QCN của Việt Nam.

Trên cơ sở nghiên cứu cơ chế bảo vệ QCN của các nước Bắc Âu, tác giả đã liên hệ tới các nước Bắc Âu, những điểm tương đồng nhất định và những khác biệt giữa Việt Nam và các nước Bắc Âu, nhằm tìm kiếm những kinh nghiệm và khả năng áp dụng các kinh nghiệm đó tại Việt Nam. Cụ thể Việt Nam và Bắc Âu có những điểm tương đồng sau:

- Mục tiêu số một của Việt Nam và mỗi quốc gia Bắc Âu đều là thúc đẩy, bảo vệ QCN trên cơ sở dân chủ, công bằng, pháp quyền, hội nhập quốc tế. Hiến pháp hiện hành của Việt Nam chiếu tới Hiến pháp và hệ thống pháp luật của các quốc gia Bắc Âu nó đã cơ bản thực hiện được sứ mệnh của bản hiến pháp tôn trọng, bảo vệ QCN.

- Các quốc gia Bắc Âu cơ bản đều có nền chính trị ổn định cho dù hệ thống đa đảng, họ đều áp dụng nguyên tắc phân quyền mềm dẻo Đại nghị trong thực hiện quyền lực và tổ chức bộ máy nhà nước. Việt Nam cũng đã tiếp thu hợp lý nhân tố phân quyền trong tổ chức quyền lực nhà nước.

- Thụy Điển tại thời điểm đầu thế kỷ XX là “nước lạc hậu nhất châu Âu; Phần Lan, những năm 1950 nhiều lĩnh vực kinh tế nước này vẫn bị coi là sản xuất thô, thiếu kỹ thuật. Việt Nam mới thực hiện đổi mới hơn 30 năm, nếu có một chính sách phù hợp, trên cơ sở phát huy nội lực và hội nhập, tiếp thu kinh nghiệm hiệu quả thì có thể tin tưởng vào một tương lai của những thành tích về mọi mặt của xã hội.

Những khác biệt giữa Bắc Âu và Việt Nam có thể nêu ra như: vấn đề tôn giáo, văn hóa, đạo đức, giáo dục, nền kinh tế của Bắc Âu đã phát triển bậc nhất thế giới, là tiền đề phát triển mọi mặt QCN; bề dày kinh nghiệm thúc đẩy và bảo vệ QCN, xã hội đã quen với văn minh QCN và phản biện xã hội của NGOs, trong khi đó ở Việt Nam, QCN là vấn đề mới của xã hội; Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn “tìm đường đi” hợp lý, hiệu quả cho mình.... Song luận án vẫn luận giải Việt Nam có thể áp dụng một số kinh nghiệm bảo vệ QCN của các quốc gia Bắc Âu như sau:

- Cơ quan công quyền sẽ áp dụng trực tiếp các điều ước quốc tế về QCN phù hợp với điều kiện của quốc gia sẽ nhanh chóng, chống lãng phí. Tuy nhiên, Việt Nam chưa có bề dày kinh nghiệm hợp tác quốc tế về nhân quyền, văn hóa pháp quyền và năng lực của các nhà áp dụng pháp luật của Việt Nam cần có thời gian để tăng cường hơn nữa. Nên đây là kinh nghiệm mà Việt Nam nên nghiên cứu để có thể áp dụng ở Việt Nam trong các giải đoạn tới.

- Coi trọng giá trị của truyền thông – đây là công cụ được các nhà nước Bắc Âu sử dụng rất lâu đời, góp phần giám sát, phản biện xã hội ..., làm nên thành tích bảo vệ QCN ở Bắc Âu. Thực tế những năm gần đây, báo chí và truyền thông Việt Nam đã góp phần làm sáng tỏ nhiều vụ án oan sai. Đảng ta cũng đã xác định báo chí và truyền thông là quá trình giám sát mọi lúc, mọi nơi. Vậy là đã có cả tiền đề chủ trương và kiểm nghiệm thực tế cho áp dụng kinh nghiệm

này tại Việt Nam. Tuy nhiên cần tránh mặt trái của báo chí, truyền thông có thể gây ra cho con người.

- Các quốc gia Bắc Âu đều rất coi trọng quyền của trẻ em để có các công dân tốt. Việt Nam những năm gần đây đã đặc biệt quan tâm tới giáo dục và bảo vệ quyền trẻ em, cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách này từ kinh nghiệm của Bắc Âu.

- Xây dựng thể chế bảo vệ QCN coi trọng học thuật, tri thức và vai trò của các nhà khoa học, đề cao vai trò cá nhân, kết hợp với xây dựng nền văn hoá đạo đức trung thực, tin cậy và tôn trọng QCN. Việt Nam có truyền thống tôn sư, trọng đạo, trọng dụng nhân tài, nhiều tấm gương vì nước, vì dân đã tạo cho người dân niềm tin ở nhà nước. Việt Nam hoàn toàn có thể áp dụng kinh nghiệm vừa nêu, song thách thức là tiền lương, khung pháp lý dành cho nhân tài còn rất hạn chế.

- Nhóm quyền dân sự, chính trị cần được thực hiện trước một bước so với nhóm các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá. Đây chính là tôn trọng vấn đề có tính quy luật khách quan. Việt Nam nên áp dụng để phát huy sức mạnh cá nhân, tích lũy xã hội.

- Vai trò của cơ quan hành pháp và tư pháp là quyết định hiệu quả, giá trị bảo vệ QCN ở Bắc Âu. Việt Nam đã có khung pháp lý phát huy vai của các cơ quan này, cần áp dụng kinh nghiệm này ngay thời điểm hiện nay.

- Nhấn mạnh vai trò của Toà án Hành chính. Đặc biệt với trường hợp của Phần Lan để bảo đảm chính quyền trong sạch, giám sát công quyền - chủ thể có khả năng vi phạm QCN nhiều nhất. Thực trạng Toà án Hành chính Việt Nam đang thể hiện vai trò rất mờ nhạt, nhưng Bộ chính trị cũng đã có chỉ đạo cải cách tư pháp để khắc phục hạn chế này. Vậy kinh nghiệm này Việt Nam có đủ điều kiện để áp dụng ngay trong thời điểm hiện nay.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh cần thiết phải thúc đẩy, bảo vệ các QCN Việt Nam đã được tôn trọng và ghi nhận trong hiến pháp năm 2013, khẳng định đường lối phát triển đất nước dân chủ, vì con người của Đảng và Nhà nước trước nhân dân và quốc tế. Việc hoàn thiện hơn nữa cơ chế bảo vệ QCN ở Việt Nam, tạo điều kiện để các QCN của người dân được bảo vệ, tăng cao hơn nữa mức độ thụ hưởng quyền của người dân là hoạt động quan trọng, cấp thiết, cần được nghiên cứu, điều tra cả ở Việt Nam và tham khảo kinh nghiệm ở quốc tế. Quan sát ở quốc tế, các nước Bắc Âu là nhóm quốc gia có thành tựu bảo vệ QCN tốt bậc nhất, là mô hình, điểm đến, mục tiêu nghiên cứu để tìm kinh nghiệm có thể áp dụng ở Việt Nam. Luận án đã lần lượt nghiên cứu:

- Hiện trạng các công trình khoa học của Việt Nam và quốc tế đã nghiên cứu liên quan đến đề tài, thấy được những nội dung đã được làm sáng tỏ, những nội dung đã nghiên cứu mà chưa thống

nhất, chưa rõ ràng, những khoảng trống của vấn đề chưa được nghiên cứu để tiếp thu, kế thừa, tiếp tục nghiên cứu.

- Xác định cơ sở lý luận về cơ chế bảo vệ QCN gồm thể chế và thiết chế, quy trình, thủ tục bảo vệ QCN. Vấn đề thể chế gồm quan điểm, tư tưởng, hệ thống pháp luật bảo vệ quyền con người; vấn đề thiết chế là hệ thống các cơ quan tổ chức, cá nhân cùng quy trình thủ tục bảo vệ quyền con người. Luận án cũng nghiên cứu mối quan hệ tác động qua lại giữa thể chế và thiết chế, các yếu tố tác động tới cơ chế bảo vệ QCN làm căn cứ để khảo cứu về cơ chế bảo vệ QCN ở các nước Bắc Âu và ở Việt Nam.

- Nghiên cứu quan điểm, tư tưởng, hệ thống pháp luật và cơ quan, tổ chức, cá nhân cùng quy trình, thủ tục bảo vệ QCN ở các nước Bắc Âu; xác định những đặc trưng căn bản của các chế bảo vệ QCN của các quốc gia Bắc Âu trong mối liên hệ với văn hóa pháp lý Châu Âu lục địa và hệ thống thông luật Anh – Mỹ; nhìn nhận từ nội bộ cơ chế và quan sát từ LHQ, các quốc gia khác trên thế giới; xác định thành tựu, hạn chế, thách thức cũng như sự ảnh hưởng của cơ chế bảo vệ của các quốc gia này với quốc tế.

- Làm sáng tỏ các vấn đề trong cơ chế bảo vệ QCN ở Việt Nam hiện nay, những thành tựu và hạn chế cần hoàn thiện; chiếu tới cơ chế bảo vệ QCN ở các quốc gia Bắc Âu và xác định tám kinh nghiệm về thể chế và thiết chế của các nước Bắc Âu cũng như khả năng áp dụng các kinh nghiệm đó ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và sắp tới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Thanh (2016), “Quyết định hành chính với việc đảm bảo quyền con người”, *Tạp chí Nghề luật*, (6), tr. 67-70.
2. PGS.TS. Chu Hồng Thanh – ThS. Nguyễn Thị Thanh (2017), “Tìm kiếm mô hình nhà nước kiến tạo phát triển cho Việt Nam”, Khoa Luật, ĐHQGHN, Sách chuyên khảo, *Nhà nước kiến tạo phát triển – Lý luận, thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam*, đồng chủ biên PGS.TS Trịnh Quốc Toàn – PGS.TS Vũ Công Giao, *NXB Lý luận chính trị*, tr.380-394
3. Nguyễn Thị Thanh (2018), “Pháp luật và việc thực thi pháp luật về quyền con người ở các nước Bắc Âu”, *Tạp chí Từ điển học và bách khoa thư*, (2) tr.118-123.
4. Nguyễn Thị Thanh (2018), “Bảo đảm điều kiện làm việc cho đại biểu Quốc hội”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (11) tr.11-15